

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
CHÍNH QUY, ĐẠT KIỂM ĐỊNH QUỐC TẾ, DO ĐHQGHN CẤP BẰNG
NĂM 2026**

Trường Quản trị và Kinh doanh - HSB (Trước là Khoa Quản trị kinh doanh), trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) được thành lập ngày 13/07/1995. HSB là đơn vị tiên phong về các chương trình đào tạo quản trị liên ngành và quản trị kinh doanh tích hợp, hợp tác với các trường đại học hàng đầu trên thế giới như ĐH SUNY Albany (Mỹ), ĐH Queensland (Úc), ĐH Massey (New Zealand), ... Hiện nay, HSB đã trở thành một thương hiệu có uy tín hàng đầu tại Việt Nam triển khai thành công nhiều chương trình đào tạo mới và liên ngành từ trình độ đại học đến thạc sĩ và tiến sĩ trên cơ sở kết hợp sáng tạo 3 trụ cột học thuật là: Quản trị, Công nghệ và An ninh.

Năm 2023, Trường Quản trị và Kinh doanh tự hào được nhận kết quả ĐẠT chất lượng kiểm định theo chuẩn chất lượng Châu Âu trong khuôn khổ Quản trị Chất lượng Giáo dục Châu Âu (ESG) do Viện Đảm bảo Chất lượng, Kiểm định và Chứng nhận Chất lượng (ACQUIN – Đức) cấp cho toàn bộ các chương trình đào tạo chính quy, chất lượng cao của HSB.

Căn cứ vào *Quy chế đào tạo Thạc sĩ ban hành theo quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2459/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/06/2024; Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Đại học Quốc gia Hà Nội số 956/HD-ĐHQGHN ngày 20/03/2026.*

Trường Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh các chương trình đào tạo sau đại học năm 2026 với các thông tin chi tiết như sau:

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

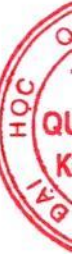
1. Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (HSB-MBA) (Mã ngành: 8340101.01)

- Tên ngành đào tạo bằng tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
- Tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh: **Business Administration**
- Tên văn bằng:

Tiếng Việt: **Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh**

Tiếng Anh: **The Degree of Master in Business Administration**

- Tên viết tắt: **HSB-MBA**



- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- 2. Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS) (Mã chuyên ngành: 8900201.05QTD)**
- Tên chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Việt: **Quản trị An ninh phi truyền thống**
- Tên chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Anh: **Management of Non-traditional Security**
- Tên văn bằng:
 - Tiếng Việt: **Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị An ninh phi truyền thống**
 - Tiếng Anh: **The Degree of Master in Management of Non-traditional Security**
- Tên viết tắt: **MNS**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt, Tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- 3. Thạc sĩ Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp (MOTE) (Mã chuyên ngành: Ngành đào tạo thí điểm; mã đề xuất: 8900301)**
- Tên chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Việt: **Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp**
- Tên chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Anh: **Management of Technology and Entrepreneurship**
- Tên văn bằng:
 - Tiếng Việt: **Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp**
 - Tiếng Anh: **The Degree of Master in Management of Technology and Entrepreneurship**
- Tên viết tắt: **MOTE**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt, Tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 2 năm

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm 2026, Trường Quản trị và Kinh doanh tuyển sinh 3 chương trình đào tạo thạc sĩ với chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh (HSB-MBA)	50
2	Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS)	30
3	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp (MOTE)	40
Tổng chỉ tiêu		120

2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

2.1. Đối tượng

Đối tượng dự tuyển vào chương trình thạc sĩ là các thí sinh:

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khoẻ để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đóng lệ phí đúng thời hạn theo Phụ lục 1 của thông báo này.
- Đối với thí sinh là người nước ngoài: Xét tuyển theo Quy định hiện hành về việc thu hút và quản lý sinh viên/học viên quốc tế tại ĐHQGHN.
- Đối với sinh viên năm thứ 4 đang học chương trình đào tạo đại học chính quy của trường Quản trị và Kinh doanh (HSB) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên có thể đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

2.2. Điều kiện văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.
- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2.3. Điều kiện về kinh nghiệm công tác

- Yêu cầu về kinh nghiệm công tác đối với các thí sinh tham gia dự tuyển vào từng chương trình đào tạo là khác nhau. Chi tiết theo phụ lục 2 của thông báo này.
- Năm kinh nghiệm tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi

2.4. Điều kiện về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (Đối với ngành Quản trị kinh doanh (HSB-MBA) và bậc 3 dùng cho Việt Nam (Đối với chuyên ngành Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS); Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp (MOTE) được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

STT	Chương trình đào tạo	Yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Minh chứng
1	Quản trị kinh doanh	Đạt từ Bậc 4 trở lên	- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm

STT	Chương trình đào tạo	Yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Minh chứng
	(HSB-MBA)		<p>tiếng Anh. Hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện bằng Tiếng Anh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong các chứng chỉ/ chứng nhận tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ/ chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 3 và phụ lục 4 của Thông báo này.
2	Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS)	Đạt từ Bậc 3 trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm tiếng Anh. Hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng Tiếng Anh
3	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp (MOTE)	Đạt từ Bậc 3 trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển - Một trong các chứng chỉ/ chứng nhận tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ/ chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 3 và phụ lục 4 của Thông báo này. - Chứng nhận kết quả bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng nghề nghiệp tại

STT	Chương trình đào tạo	Yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Minh chứng
			ĐHQGHN (VNU test) do Trường ĐHNN tổ chức đạt từ bậc 3 trở lên - Bằng đại học các ngành ngôn ngữ sau: Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn mà ngôn ngữ thứ 2 là tiếng Anh

3. Quy trình ứng tuyển

Dựa trên đối tượng tuyển sinh mang tính đặc thù và chuyên ngành đào tạo tích hợp, HSB tổ chức xét tuyển theo phương thức mới và hiện đại thông qua: đánh giá hồ sơ, phỏng vấn chuyên môn của thí sinh.

- Vòng 1: Đánh giá hồ sơ

Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các tiêu chí: Năng lực học tập ở bậc cử nhân, trình độ ngoại ngữ, công bố khoa học, thư giới thiệu. Thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ đạt từ 60/100 điểm được coi là vượt qua vòng đánh giá hồ sơ và sẽ được thông báo về thời gian tham gia vòng 2 (Vòng Phỏng vấn)

- Vòng 2: Phỏng vấn

- Điều kiện tham dự: Thí sinh vượt qua vòng 1 sẽ đủ điều kiện tham gia vòng 2.
- Ngôn ngữ sử dụng trong phỏng vấn: Tiếng Việt, Tiếng Anh (Đối với ngành Quản trị kinh doanh, ngôn ngữ sử dụng trong phỏng vấn là tiếng Anh)
- Hình thức phỏng vấn: trực tiếp hoặc trực tuyến. Trong đó, hình thức phỏng vấn trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp bất khả kháng và được quyết định bởi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.
- Thang điểm và tiêu chí đánh giá: Vòng phỏng vấn đánh giá theo thang điểm 100 với các tiêu chí: Mục đích học tập của thí sinh; Hiểu biết về Chính trị - Kinh tế - Văn hóa – Xã hội; Kiến thức chuyên môn; Kinh nghiệm công tác; Khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu (bao gồm cả khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên môn nếu có); Đạo đức và trách nhiệm. Thí sinh có điểm phỏng vấn đạt từ 60/100 điểm sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển.

- Vòng 3: Xét tuyển

- Thí sinh có tổng điểm vòng 2 đạt từ 60/100 điểm sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển.
- Hội đồng tuyển sinh sẽ xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trường hợp bằng điểm nhau ở cuối danh sách sẽ xét theo thứ tự ưu tiên thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ cao hơn, thí sinh có điểm đánh giá phỏng vấn cao hơn.

- Riêng thí sinh người nước ngoài xét tuyển theo Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/12/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội

- Thời gian xét tuyển; thông báo kết quả (dự kiến) và thời gian nhập học

STT	Nội dung	Thời gian Đợt 1	Thời gian Đợt 2
1	Đăng ký dự tuyển	Từ 23/03/2026 đến 17/05/2026	Từ 13/07/2026 đến 27/09/2026
2	Tổ chức xét tuyển	Trước 08/06/2026	Trước 19/10/2026
3	Thông báo kết quả	Trước 06/07/2026	Trước 23/11/2026
4	Nhập học	Trước 13/07/2026	Trước 30/11/2026

4. Đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ

- Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.
- Đồng thời, thí sinh truy cập vào cổng đăng ký dự tuyển trực tuyến của HSB tại địa chỉ **Phiếu Đăng ký dự thi (zohopublic.com)** và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.
- Thí sinh sau khi đăng ký trực tuyến phải nộp đầy đủ hồ sơ bản cứng (theo phụ lục 1 của thông báo này) trong thời gian đăng ký dự tuyển tại Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO), tầng 2, nhà B1, Trường Quản trị và Kinh doanh, ĐHQGHN, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

5. Học phí và lệ phí

5.1. Học phí toàn khóa

STT	Chương trình đào tạo	Học phí toàn khóa	Ghi chú
1	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (HSB-MBA)	150.000.0000 đ (đối với học viên Việt Nam) 225.000.000 đ (đối với học viên là người nước ngoài)	Học phí được đóng theo 4 kỳ học và sẽ được thông báo khi thí sinh trúng tuyển. Chính sách học bổng đa dạng cho nhiều nhóm đối tượng với các mức ưu đãi từ 10% đến 100% học phí. Học phí đã bao gồm toàn bộ chi phí quản trị, chi phí đào tạo, in tập bài giảng và tài liệu, hội thảo, thực hành; chi phí sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, điều hòa; dịch vụ teabreak...
2	Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS)	135.000.000 đ	Học phí KHÔNG bao gồm: lệ phí dự
3	Thạc sĩ Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp (MOTE)	150.000.000 đ	

STT	Chương trình đào tạo	Học phí toàn khóa	Ghi chú
			tuyển đầu vào; lệ phí bảo lưu, gia hạn; lệ phí thi lại, học lại (nếu có); lệ phí học Bổ sung kiến thức (nếu có); lệ phí học và thi chứng chỉ tiếng Anh (nếu có).

5.2. Lệ phí đăng ký và xét tuyển

- Lệ phí hồ sơ và đăng ký hồ sơ: 150.000 đồng/thí sinh;
- Lệ phí phỏng vấn và xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: Theo thông báo của Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO) và Phòng Kế hoạch Tài chính.

6. Địa chỉ liên hệ và nộp hồ sơ

Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB), Đại học Quốc gia Hà Nội

Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO)

Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Hotline: 024. 6292.3030 – 0968 20 22 44/ 0903 281 028

Email: pomo@hsb.edu.vn

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Các đơn vị, cơ quan liên quan;
- Các đơn vị thuộc HSB;
- Lưu: VT, ĐT, POMOI, KH-TC.



GS.TS. HOÀNG ĐÌNH PHI

Phụ lục 1: Danh mục hồ sơ xét tuyển

(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

STT	Danh mục hồ sơ	Số lượng
1	Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú, thời hạn 6 tháng tính tới ngày dự tuyển (Theo mẫu)	01 Bản gốc
2	Giấy xác nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp, thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự tuyển	01 Bản gốc
3	Bằng tốt nghiệp đại học	02 Bản sao công chứng
4	Bảng điểm đại học	01 Bản sao công chứng
5	Giấy công nhận văn bằng (đối với văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp)	02 Bản sao công chứng
6	Chứng chỉ tiếng Anh	02 Bản sao công chứng
7	QĐ tuyển dụng/ QĐ bổ nhiệm/ QĐ tăng lương/ HĐLĐ dài hạn/ Giấy đăng kí thành lập doanh nghiệp (Đối với chủ doanh nghiệp) ... hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận kinh nghiệm công tác (theo mẫu tham khảo)	01 Bản sao
8	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu (đối với thí sinh có Bằng tốt nghiệp Đại học xếp loại Khá)	01 Bản sao
9	Thư giới thiệu của cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp/ nhà khoa học/ nhà giáo, cấp trên, học viên, cựu học viên.... (theo mẫu tham khảo)	01 Bản gốc
10	Giấy khai sinh	01 Bản sao

Phụ lục 2: Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Ngành Quản trị Kinh doanh (HSB-MBA)

1.1. Đối tượng tuyển sinh và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

- **Nhóm 1:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp gồm các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý và các ngành Quản trị doanh nghiệp và Công nghệ, Quản trị nhân lực và nhân tài, Quản trị và An ninh, Marketing và truyền thông, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp mà không phải học bổ sung kiến thức.

- **Nhóm 2:** Ứng viên có bằng Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm ngành Kinh tế học (Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế) được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (11 tín chỉ):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Quản trị học <i>Management</i>	4	6
2.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
3.	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	4.5
Tổng số tín chỉ		11	16.5

- **Nhóm 3:** Thí sinh có bằng Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp gồm: Giáo dục Chính trị, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản lý thể dục thể thao và các ngành thuộc nhóm ngành: Luật; Toán học; Thống kê; Quản lý công nghiệp; Quản lý xây dựng; Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thủy sản; Khoa học giáo dục; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Khoa học chính trị; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Khu vực học; Báo chí và truyền thông; Máy tính; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Công nghệ kỹ thuật in; Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống; Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da; Quản lý y tế; Du lịch; Khách sạn, nhà hàng; Kinh tế gia đình; Khai thác vận tải; Quản lý tài nguyên và môi trường; được dự thi sau khi có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (26 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Quản trị học <i>Management</i>	4	6

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
2.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
3.	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	4.5
4.	Kinh tế học <i>Economics</i>	4	6
5.	Nguyên lý kế toán <i>Principle of Accounting</i>	4	6
6.	Quản trị tài chính doanh nghiệp <i>Management of Corporate Finance</i>	4	6
7.	Nguyên lý Marketing và truyền thông <i>Principles of Marketing & Communication</i>	3	4.5
Tổng số tín chỉ		26	39

1.2. Yêu cầu kinh nghiệm công tác

- Thí sinh thuộc Nhóm 1 được tham gia xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.
- Thí sinh thuộc Nhóm 2 và Nhóm 3 cần ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công tác liên quan.

Năm kinh nghiệm tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.

Lĩnh vực công tác liên quan gồm: quản lý nhà nước, quản lý khoa học và công nghệ, quản lý kinh tế, hoặc quản trị kinh doanh.

2. Chuyên ngành Quản trị An ninh phi truyền thống

2.1. Đối tượng tuyển sinh và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

- **Nhóm 1:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp gồm: Quản trị và An ninh (7900189), Quản trị doanh nghiệp và công nghệ (7900101), Quản lý nhà nước về an ninh trật tự (7860109), Quản trị nhân lực và nhân tài (7900103), Marketing và truyền thông (7900102) được tham gia xét tuyển sau khi hoàn thành học phần bổ sung kiến thức (nếu có). Học phần bổ sung kiến thức cụ thể quy định trong bảng dưới đây.

STT	Tên học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ	Học phần bổ sung kiến thức tương ứng với ngành dự tuyển				
			Quản trị và An ninh (7900189)	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự (7860109)	Quản trị doanh nghiệp và công nghệ (7900101)	Quản trị nhân lực và nhân tài (7900103)	Marketing và truyền thông (7900102)
1	Tổng quan về quản trị an ninh và an ninh phi	3	Không phải học bổ sung	3	3	3	3

	truyền thông <i>Introduction to Management of Security & Nontraditional Security</i>		kiến thức			
2	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3		3	3	3
Tổng số tín chỉ				6	3	6

- **Nhóm 2:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc các nhóm ngành Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Kế toán - Kiểm toán; Quản trị - Quản lý, Luật, An ninh và trật tự xã hội, Quân sự, được tham gia xét tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (10 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1	Tổng quan về quản trị an ninh và an ninh phi truyền thống <i>Introduction to Management of Security & Nontraditional Security</i>	3	4.5
2	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	4.5
3	Luật Kinh doanh và đạo đức kinh doanh <i>Business Law and Ethics</i>	4	6
Tổng số tín chỉ		10	15

- **Nhóm 3:** Thí sinh có bằng Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật; Kiến trúc và xây dựng; Sản xuất và chế biến; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Môi trường và bảo vệ môi trường; Sức khỏe; Nhân văn; Báo chí và thông tin; Nghệ thuật; Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Dịch vụ xã hội; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải; được tham gia xét tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 04 học phần (14 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1	Quản trị học <i>Management</i>	4	6
2	Tổng quan về quản trị an ninh và an ninh phi truyền thống <i>Introduction to Management of Security & Nontraditional Security</i>	3	4.5

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
3	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	4.5
4	Luật Kinh doanh và đạo đức kinh doanh <i>Business Law and Ethics</i>	4	6
Tổng số tín chỉ		14	21

2.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác

- Thí sinh thuộc Nhóm 1 và nhóm 2 nếu có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên được tham gia xét tuyển sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có), bằng tốt nghiệp dưới loại khá cần ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công tác liên quan.

- Thí sinh thuộc Nhóm 3 nếu có bằng tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc được tham gia xét tuyển sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức, bằng tốt nghiệp loại khá hoặc dưới khá cần ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan.

Năm kinh nghiệm tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự tuyển.

Các lĩnh vực liên quan gồm: hoạt động quản lý nhà nước, hành chính, an ninh, kinh tế - xã hội, kinh doanh, ngoại giao hoặc các hoạt động liên quan đến an ninh phi truyền thống.

3. Chuyên ngành Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp

3.1. Đối tượng tuyển sinh và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

- **Nhóm 1:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ (MET) được tham gia xét tuyển mà không phải học bổ sung kiến thức.

- **Nhóm 2:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp gồm: Quản trị và An ninh, Quản trị nhân lực và nhân tài, Marketing và truyền thông của Trường Quản trị và Kinh doanh được tham gia xét tuyển sau khi hoàn thành 01 học phần bổ sung kiến thức dưới đây:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Tổng quan về chuyển giao công nghệ <i>Overview of technology transfer</i>	3	4.5
Tổng số tín chỉ		3	4.5

- **Nhóm 3:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm ngành: Kinh doanh, Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Luật, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (11 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
2.	Tổng quan về công nghệ thông tin <i>Overview of Information Technology</i>	4	6
3.	Tổng quan về chuyển giao công nghệ <i>Overview of technology transfer</i>	3	4.5
Tổng số tín chỉ		11	16.5

- **Nhóm 4:** Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc lĩnh vực: Khoa học sự sống; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Khoa học tự nhiên; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Sức khỏe; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh, Quốc phòng, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (19 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Kinh tế học <i>Economics</i>	4	6
2.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
3.	Tổng quan về công nghệ thông tin <i>Overview of Information Technology</i>	4	6
4.	Tổng quan về chuyển giao công nghệ <i>Overview of technology transfer</i>	3	4.5
5.	Luật Kinh doanh và đạo đức kinh doanh <i>Business Law and Ethics</i>	4	6
Tổng số tín chỉ		19	28,5

3.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác

- Thí sinh thuộc Nhóm 1, Nhóm 2 được tham gia xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp hoặc sau khi hoàn thành học phần bổ sung kiến thức (nếu có).

- Thí sinh thuộc Nhóm 3 nếu có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên được tham gia xét tuyển sau khi tốt nghiệp, bằng tốt nghiệp dưới loại khá cần ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công tác liên quan.

- Thí sinh thuộc Nhóm 4 nếu có bằng tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc được tham gia xét tuyển

sau khi tốt nghiệp, bằng tốt nghiệp loại khá và dưới khá cần ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công tác liên quan.

Năm kinh nghiệm công tác tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự tuyển.

Lĩnh vực công tác liên quan gồm: quản lý nhà nước, quản lý khoa học và công nghệ, quản lý kinh tế, hoặc quản trị kinh doanh.

Lưu ý:

- Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có) trước khi đăng ký dự tuyển;
- HSB tổ chức chương trình bổ sung kiến thức và cấp giấy chứng nhận kèm bảng điểm cho các thí sinh đăng ký;
- Thời khóa biểu lớp Bổ sung kiến thức sẽ được thông báo chi tiết đến thí sinh đăng ký.

Phụ lục 3: Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3, bậc 4
Theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Versant English Placement Test (VEPT)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 3	4.5	42 iBT	<ul style="list-style-type: none"> - A2 Key: 140 - B1 Preliminary: 140 - B2 First: 140 - B1 Business Preliminary: 140 - B2 Business Vantage: 140 	Level 2	43-58	43-66	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	<ul style="list-style-type: none"> - B1 Preliminary: 160 - B2 First: 160 - C1 Advanced: 160 - B1 Business Preliminary: 160 - B2 Business Vantage: 160 - C1 Business Higher: 160 	Level 3	59-75	-	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú:

(*) Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 8 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_cvstep).

(**) ĐHQGHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ tiếng Anh thi theo hình thức trực tuyến.

**Phụ lục 4: Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận tiếng Anh
được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN**
(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Chứng nhận kết quả bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp (VNU Tests) do Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN cấp
2. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến tháng 03/2025 theo công bố mới nhất của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	20.	Học viện Khoa học Quân sự
2.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	21.	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
3.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	22.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
4.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	23.	Học viện Cảnh sát Nhân dân
5.	Đại học Thái Nguyên	24.	Đại học Bách Khoa Hà Nội
6.	Trường Đại học Cần Thơ	25.	Trường Đại học Nam Cần Thơ
7.	Trường Đại học Hà Nội	26.	Trường Đại học Ngoại thương
8.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	27.	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
9.	Trường Đại học Vinh	28.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10.	Trường Đại học Sài Gòn	29.	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
11.	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	30.	Trường Đại học Lạc Hồng
12.	Trường Đại học Trà Vinh	31.	Trường Đại học Đồng Tháp
13.	Trường Đại học Văn Lang	32.	Trường Đại học Duy Tân
14.	Trường Đại học Quy Nhơn	33.	Trường Đại học Phenikaa
15.	Trường Đại học Tây Nguyên	34.	Học Viện Ngân hàng
16.	Học viện An ninh Nhân dân	35.	Trường ĐH Tài chính – Marketing
17.	Học viện Báo chí Tuyên truyền	36.	Trường ĐH Thành Đông
18.	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)	37.	Trường ĐH Mở thành phố Hồ Chí Minh
19.	Trường Đại học Thương mại	38.	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

3. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận						
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL	PEIC	PTE Academic	VEPT
1	Educational Testing Service (ETS)		√					
2	British Council (BC)	√			√			
3	International Development Program (IDP)	√						
4	Cambridge ESOL	√		√				
5	Pearson plc					√	√	√

Phụ lục 5: Khung Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (HSB-MBA)

(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ cần tích lũy: 70 tín chỉ (105 ECTS)

- Khối kiến thức chung: 4 tín chỉ (6 ECTS)
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 42 tín chỉ (63 ECTS)
- + Bắt buộc: 27 tín chỉ (40,5 ECTS)
- + Lựa chọn: 15 tín chỉ (22,5 ECTS) / 45 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: 24 tín chỉ (36 ECTS)
- + Dự án/ Chuyên đề: 12 tín chỉ (18 ECTS)
- + Luận văn Thạc sĩ: 12 tín chỉ (18 ECTS)

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số HP tiên quyết	Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
I	Khối kiến thức chung		4					
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	T. Việt T. Anh	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		42					
II.1	Các học phần bắt buộc		27					
2	HSB6019E	Tổng quan về phát triển bền vững <i>General Introduction to Sustainable Development</i>	3	42	6	102	T. Anh	
3	HSB6001E	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies & Plans</i>	3	42	6	102	T. Anh	
4	HSB6038E	Quản trị nguồn nhân lực và nhân tài cho nhà quản trị <i>Management of Human Resources & Talents for managers</i>	3	42	6	102	T. Anh	
5	HSB6039E	Quản trị công ty nâng cao <i>Advanced Corporate Governance</i>	3	42	6	102	T. Anh	
6	HSB6040E	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo <i>Management of Technology & Innovation</i>	3	42	6	102	T. Anh	
7	HSB6041E	Quản trị Marketing và	3	42	6	102	T. Anh	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số HP tiên quyết	Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
		truyền thông cho nhà quản trị <i>Management of Marketing & Communication for Managers</i>						
8	HSB6018E	Tài chính và kế toán cho nhà quản trị <i>Accounting and Finance for Managers</i>	3	42	6	102		T. Anh
9	HSB6042E	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	42	6	102		T. Anh
10	HSB6043E	Phân tích dữ liệu cho nhà quản trị <i>Data Analysis for Managers</i>	3	42	6	102		T. Anh
II.2	Các học phần tự chọn		15/45					
11	HSB6006E	Kinh tế học quản trị <i>Managerial Economics</i>	3	42	6	102		T. Anh
12	HSB6045E	Báo chí và truyền thông cho nhà quản trị <i>Journalism and Communication for Managers</i>	3	42	6	102		T. Anh
13	HSB6046E	Văn hóa doanh nghiệp cho nhà quản trị <i>Corporate Culture for Managers</i>	3	42	6	102		T. Anh
14	HSB6010E	Quản trị phát triển doanh nghiệp <i>Management of Entrepreneurship</i>	3	42	6	102		T. Anh
15	HSB6037E	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Risk & Corporate Security</i>	3	42	6	102		T. Anh
16	HSB6047E	Quản trị sản xuất và hoạt động <i>Management of Manufacturing & Operation</i>	3	42	6	102		T. Anh
17	HSB6015E	Quản trị chuỗi cung ứng và hậu cần <i>Supply Chain and Logistics Management</i>	3	42	6	102		T. Anh
18	HSB6048E	An ninh thương hiệu <i>Brand Security</i>	3	42	6	102		T. Anh

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số HP tiên quyết	Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
19	HSB6020E	Quản trị marketing quốc tế <i>International marketing</i>	3	42	6	102		T. Anh
20	HSB6021E	Luật kinh doanh quốc tế <i>International Business Law</i>	3	42	6	102		T. Anh
21	HSB6055E	Quản trị dự án và kinh doanh quốc tế <i>Project Management and International Business</i>	3	42	6	102		T. Anh
22	HSB6023E	Đàm phán, lãnh đạo và kỹ năng truyền thông <i>Negotiation, Leadership and Communication</i>	3	42	6	102		T. Anh
23	HSB6056E	Quản trị kinh doanh số <i>Management of Digital Business</i>	3	42	6	102		T. Anh
24	HSB6049E	Môi trường, xã hội và quản trị <i>Environmental, Social, and Governance</i>	3	42	6	102		T. Anh
III	Nghiên cứu khoa học		24					
25	HSB7004E	Dự án/ Chuyên đề 1 <i>Research Assignment 1</i>	4					T. Anh
26	HSB7005E	Dự án/ Chuyên đề 2 <i>Research Assignment 2</i>	4					T. Anh
27	HSB7006E	Dự án/ Chuyên đề 3 <i>Research Assignment 3</i>	4					T. Anh
28	HSB7007E	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	12					T. Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			70					

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá

Phụ lục 6: Khung Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS)

(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026

của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ cần tích lũy: 72 tín chỉ (108 ECTS)

- Khối kiến thức chung: 9 tín chỉ (13.5 ECTS)
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 39 tín chỉ (58,5 ECTS)
- + Bắt buộc: 24 tín chỉ (36 ECTS)
- + Lựa chọn (1 trong 3 hướng chuyên sâu): 15 tín chỉ (22.5 ECTS) /45 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: 24 tín chỉ (36 ECTS)
- + Dự án/ Chuyên đề: 12 tín chỉ (18 ECTS)
- + Luận văn Thạc sĩ: 12 tín chỉ (18 ECTS)

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	T. Việt
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH) <i>English B2 (Post Graduate)</i>	5	75	0	175	T. Anh
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	39				
II.1		Các học phần bắt buộc	24				
3	HSB6019	Tổng quan về phát triển bền vững <i>General Introduction to Sustainable Development</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
4	HSB6001	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies & Plans</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
5	HSB6038	Quản trị nguồn nhân lực và nhân tài cho nhà quản trị <i>Management of Human Resources & Talents for managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
6	HSB6054	Quản trị an ninh & an ninh phi truyền thống <i>Security & Nontraditional Security Management</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
7	HSB6053	Quản trị An ninh công nghệ <i>Technology Security Management</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
8	MNS6005	Luật pháp, Xã hội và An ninh <i>Law, Society and Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
9	HSB6042	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	42	6	102	T. Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		học <i>Research Methodology</i>					T. Anh
10	MNS6056	Các nghiên cứu về an ninh <i>Security Studies</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
II.2		Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 chuyên sâu sau)	15/45				
	MNS01	An ninh phi truyền thống của tổ chức và doanh nghiệp <i>Organization and Corporate Nontraditional Security</i>	15				
11	MNS6043	Quản trị an ninh mạng <i>Management of Cyber Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
12	MNS6052	An ninh kinh tế và An ninh tài chính <i>Economic Security and Financial Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
13	MNS6053	An ninh nguồn nước và môi trường <i>Water and Environment Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
14	HSB6037	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Enterprise's Risk & Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
15	HSB6048	An ninh thương hiệu <i>Brand Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
	MNS02	An ninh thông tin và An ninh mạng <i>Information & Cyber Security</i>	15				
16	HSB6043	Phân tích dữ liệu cho nhà quản trị <i>Data Analysis for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
17	MNS6054	Luật pháp về an ninh thông tin và an ninh mạng <i>Legal Regulations on Information Security and Cyber Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
18	MNS6043	Quản trị an ninh mạng <i>Management of Cyber Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
19	MNS6055	An ninh hạ tầng thiết yếu <i>Critical Infrastructure Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
20	MNS6045	Chiến tranh mạng <i>Cyber War</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
	MNS03	An ninh con người và An ninh môi trường <i>Human & Environmental Security</i>	15				
21	MNS6014	An ninh con người <i>Human Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
22	MNS6053	An ninh nguồn nước và môi trường <i>Water and Environment Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
23	MNS6012	An ninh lương thực	3	42	6	102	T. Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Food Security</i>					T. Anh
24	MNS6015	An ninh sức khỏe <i>Health Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
25	MNS6013	An ninh năng lượng <i>Energy Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
III		Nghiên cứu khoa học	24				
26	HSB7004	Dự án/ Chuyên đề 1 <i>Research Assignment 1</i>	4				T. Việt T. Anh
27	HSB7005	Dự án/ Chuyên đề 2 <i>Research Assignment 2</i>	4				T. Việt T. Anh
28	HSB7006	Dự án/ Chuyên đề 3 <i>Research Assignment 3</i>	4				T. Việt T. Anh
29	HSB7008	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	12				T. Việt T. Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			72				

Lưu ý:

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.
 - (1): Lí thuyết
 - (2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận
 - (3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá
- Học viên phải nộp chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương, theo Phụ lục 3 và Phụ lục 4) trước khi bảo vệ luận văn Thạc sĩ (Trước học kỳ II năm thứ hai).

Phụ lục 7: Khung Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp (MOTE)

(Kèm theo Thông báo số: 500/QT&KD-TB ngày 23 tháng 3 năm 2026

của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ cần tích lũy:	72 tín chỉ (108 ECTS), trong đó:
- Khối kiến thức chung:	9 tín chỉ (13.5 ECTS)
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	39 tín chỉ (58.5 ECTS)
+ <i>Bắt buộc:</i>	24 tín chỉ (36 ECTS)
+ <i>Lựa chọn:</i>	15 tín chỉ (22.5 ECTS) / 45 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học	24 tín chỉ (36 ECTS)
+ <i>Dự án/ Chuyên đề:</i>	12 tín chỉ (18 ECTS)
+ <i>Luận văn thạc sĩ:</i>	12 tín chỉ (18 ECTS)

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	T. Việt
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SDH) <i>English B2 (Post Graduate)</i>	5	75	0	175	T. Anh
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		39				
II.1	Các học phần bắt buộc		24				
3	HSB6019E	Tổng quan về phát triển bền vững <i>General Introduction to Sustainable Development</i>	3	42	6	102	T. Anh
4	HSB6001E	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies & Plans</i>	3	42	6	102	T. Anh
5	HSB6038E	Quản trị nguồn nhân lực và nhân tài cho nhà quản trị <i>Management of Human Resources & Talents for managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
6	HSB6039E	Quản trị công ty nâng cao <i>Advanced Corporate Governance</i>	3	42	6	102	T. Anh
7	HSB6040E	Quản trị công nghệ và Đổi mới sáng tạo	3	42	6	102	T. Anh

STT	Mã phần học	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Management of Technology & Innovation</i>					
8	HSB6018	Tài chính và kế toán cho nhà quản trị <i>Accounting and Finance for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
9	HSB6042	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
10	HSB6043	Phân tích dữ liệu cho nhà quản trị <i>Data Analysis for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
II.2	Các học phần tự chọn		15/45				
11	HSB6047	Quản trị sản xuất và hoạt động <i>Management of Manufacturing & Operation</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
12	HSB6025	Quản trị dự án nghiên cứu và phát triển <i>Management of R&D Project</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
13	HSB6051	Tổng quan về tư duy thiết kế và công nghệ mới <i>Introduction to Design Thinking and New Technologies</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
14	HSB6027	Chiến lược phát triển công nghệ <i>Technology Development Strategy</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
15	HSB6021	Luật kinh doanh quốc tế <i>International Business Law</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
16	HSB6056	Quản trị kinh doanh số <i>Management of Digital Business</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
17	HSB6029	Quản trị chất lượng và quản trị rủi ro <i>Management of Quality and Risk</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
18	HSB6041	Quản trị Marketing và Truyền thông cho nhà quản trị <i>Management of Marketing & Communication for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
19	HSB6052	Quản trị thương hiệu và tài sản trí tuệ cho nhà quản trị <i>Management of Branding and Intellectual Property for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
20	HSB6015	Quản trị chuỗi cung ứng và hậu cần	3	42	6	102	T. Việt T. Anh

STT	Mã phần học	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Supply Chain & Logistics Management</i>					
21	HSB6037	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Risk & Corporate Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
22	HSB6055	Quản trị Dự án và Kinh doanh quốc tế <i>Project Management and International Business</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
23	HSB6053	Quản trị An ninh công nghệ <i>Technology Security Management</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
24	HSB6050	Chuyên giao công nghệ <i>Technology Transfer</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
25	HSB6010	Quản trị phát triển doanh nghiệp <i>Management of Entrepreneurship</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
III	Nghiên cứu khoa học		24				
26	HSB7004	Dự án/ Chuyên đề 1 <i>Research Assignment 1</i>	4				T. Việt T. Anh
27	HSB7005	Dự án/ Chuyên đề 2 <i>Research Assignment 2</i>	4				T. Việt T. Anh
28	HSB7006	Dự án/ Chuyên đề 3 <i>Research Assignment 3</i>	4				T. Việt T. Anh
29	HSB7009	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	12				T. Việt T. Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			72				

Lưu ý:

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.
 - (1): Lý thuyết
 - (2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận
 - (3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá
- Học viên phải nộp chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương, theo phụ lục 3 và phụ lục 4) trước khi tham gia học học phần chuyên môn bằng tiếng Anh